TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Số: **92**/2022/QĐST-DS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Tân Phú, ngày 25 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 420/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: 1/ Ông Trần Huy S, sinh năm 1954;
2/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960;
Cùng địa chỉ: 666 L, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Anh C, sinh năm 1981
Địa chỉ: 37/45 đường T, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Văn bản ủy quyền công chứng số 005384 ngày 16 tháng 11 năm 2020)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1958
Thường trú: 219 đường N, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tạm trú: 465 Quốc Lộ A, khu phố 6, phường B, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nợ gốc: Hai bên thống nhất bà H phải có trách nhiệm trả cho ông S và bà L số tiền nợ gốc là 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng.

- Về nợ lãi: Hai bên thống nhất bà H phải có trách nhiệm trả cho ông S và bà L số tiền nợ lãi theo các giấy vay tiền vào các ngày 05/4/2015, 02/7/2017 và 24/9/2018 là 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và lãi mà bà Nguyễn Thị Tuyết H phải có trách nhiệm trả cho ông Trần Huy S và bà Nguyễn Thị L theo các giấy nhận nợ ngày 05/4/2015, 02/7/2017 và 24/9/2018 giữa ông Trần Huy S, bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Tuyết H là 3.500.000.000 (ba tỷ năm trăm triệu) đồng.

- Về phương thức và thời hạn thanh toán:

Đợt 1: Vào ngày 30/6/2022, bà H trả cho ông S và bà L số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

Đợt 2: Vào ngày 31/7/2022, bà H trả cho ông S và bà L số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng.

Đợt 3: Vào ngày 31/8/2022, bà H trả cho ông S và bà L số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng.

Đợt 4: Vào ngày 30/9/2022, bà H trả cho ông S và bà L số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng.

Đợt 5: Vào ngày 31/10/2022, bà H trả cho ông S và bà L số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng.

Đợt 6: Vào ngày 30/11/2022, bà H trả cho ông S và bà L số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng.

Đợt 7: Vào ngày 31/12/2022, bà H trả cho ông S và bà L số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng.

Đợt 8: Vào ngày 31/01/2023, bà H trả cho ông S và bà L số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng.

Đợt 9: Vào ngày 28/02/2023, bà H trả cho ông S và bà L số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng.

Đợt 10: Vào ngày 31/3/2023, bà H trả cho ông S và bà L số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng.

Đợt 11: Vào ngày 30/4/2023, bà H trả cho ông S và bà L số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng.

Đợt 12: Vào ngày 31/5/2023, bà H trả cho ông S và bà L số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng.

Đợt 13: Vào ngày 30/6/2023, bà H trả cho ông S và bà L số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng.

Đợt 14: Vào ngày 31/7/2023, bà H trả cho ông S và bà L hết số tiền còn lại là 1.560.000.000 (một tỷ năm trăm sáu mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày ông S và bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H không thi hành khoản tiền gốc và lãi nêu trên, thì hàng tháng bà H phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất

được qui định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết H là người cao tuổi theo qui định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009 nên thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12; Điều 16 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Viết Hoàng Lâm